TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2019/DS-ST
Ngày: 10-10-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Mai Hòa Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2019/QĐXX-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Quốc H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số A, đường N, ấp B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Bị đơn*: 1/ Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1979 (có mặt)
2/ Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Quốc H trình bày: Ngày 15/5/2019, anh H có cho anh P, chị C vay số tiền 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng) để anh P, chị C đáo nợ ngân hàng, khi vay có làm biên nhận nợ, anh H là người viết biên nhận nợ, anh P và chị C cùng ký tên và lăn tay, lãi suất hai bên thỏa thuận là 0,05%/ngày, thời hạn vay là 3 ngày. Sau khi đến hạn, anh P và chị C không trả tiền cũng như không đóng lãi cho anh. Hai người hứa hẹn và kéo dài thời gian trả nợ cho đến nay. Anh yêu cầu anh P và chị C phải trả cho anh số tiền 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất theo

quy định của pháp luật từ ngày 15/5/2019 cho đến ngày xét xử.

* Tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2019, anh P thống nhất với lời trình bày của anh H. Anh và vợ là chị C có vay của anh H số tiền 770.000.000đ, anh và chị C có ký tên và lăn tay vào giấy nhận nợ ngày 15/5/2019. Thời gian mượn nợ là 3 ngày để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận riêng là 0,05%/ngày. Do anh trả tiền trễ hạn nên Ngân hàng không tiếp tục cho anh vay tiền, do đó anh không có tiền trả lại cho anh H như đã hứa. Anh đồng ý trả tiền vốn là 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất theo yêu cầu của anh H. Tuy nhiên, hiện nay anh chưa có tiền, anh đang làm thủ tục chuyển nhượng đất để có tiền trả nợ cho anh H.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập đồng bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C nhưng chị C đều vắng mặt, chị C là người trực tiếp nhận các thông báo của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh P và chị C trả cho anh số tiền 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất 0,05%/ngày, tính từ ngày 15/5/2019 cho đến ngày xét xử.

- Bị đơn anh P không có ý kiến bổ sung.

- Đồng bị đơn chị C vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, anh H, anh P đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chị C không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh P và chị C phải trả cho anh H số tiền 770.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh P, chị C hiện có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt của đương sự: Chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị C.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ là biên nhận ngày 15/5/2019 có chữ ký xác nhận và dấu vân tay của anh P và chị C đã xác định được anh P và chị C có vay của anh H số tiền 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 3 ngày, lãi suất vay là 0,05%/ngày tuy đã quá thời hạn trả nợ nhưng anh P và chị C chưa thanh toán nợ cho anh H. Việc anh P và chị C đến hạn nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh H đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh H. Do đó, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc anh P, chị C có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền còn nợ là 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Anh H và anh P đều xác nhận anh P và chị C chưa thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho anh H, thỏa thuận lãi suất khi cho vay là 0,05%/ngày, thời hạn vay là 3 ngày. Anh H yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận là 0,05%/ngày (tương đương 18,25%/năm), thời gian từ ngày 15/5/2019 đến ngày xét xử là ngày 10/10/2019 (148 ngày), anh P cũng thống nhất. Anh P và chị C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, buộc anh P, chị C có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền lãi là 770.000.000đ x 0,05%/ngày x 148 ngày = 56.980.000đ (Năm mươi sáu triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng)

Tổng số tiền anh P và chị C có nghĩa vụ trả cho anh H là 826.980.000đ (Tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 36.000.000đ + (826.980.000đ – 800.000.000) x 3% = 36.809.400đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ chín ngàn bốn trăm đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quốc H. Buộc anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Quốc H số tiền 826.980.000đ (Tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng), trong đó tiền vốn gốc là 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất là 56.980.000đ (Năm mươi sáu triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng)

2. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Lê Quốc H được nhận lại số tiền 17.400.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014283 ngày 24/5/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 36.809.400đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ chín ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Anh Lê Quốc H, anh Nguyễn Ngọc P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/10/2019). Chị Nguyễn Thị Kim C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Giao